| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ XUYÊN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2020
*"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lâm Thị Tám;

2. Ông Bùi Anh Đức.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Văn Tài- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 19xx(Có mặt).

Địa chỉ: Số xx, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Sơn T**, sinh năm 19xx(Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số xx ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Con từ đủ 7 tuổi trở lên:

Em Sơn Thanh T, sinh ngày 21/6/2007 Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số xx ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Hồ Thị N trình bày:*

Vào năm 1996, bà và ông Sơn T cưới nhau không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống do ông Tcó người phụ nữ khác bên ngoài. Bà và ông Tđã ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Sơn T.

Về con chung: Bà và ông Tcó 03 con chung tên Sơn D, sinh ngày 06/01/1998 (đã trưởng thành), Sơn Thị Ngọc Quy, sinh ngày 24/11/1999 (đã trưởng thành) và Sơn Thanh T, sinh ngày 21/6/2007 hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, con chung là Sơn D và Sơn Thị Ngọc Q đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà nhường quyền nuôi con chung tên Sơn Thanh T cho ông Tnuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Sơn T :* Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Vào ngày 03/01/2020 ông Sơn T có đơn xin xét xử vắng mặt ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị N.

Đối với em Sơn Thanh T tại tờ tường trình ngày 25 tháng 5 năm 2020 em có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì em được tiếp tục sống với cha là ông Sơn T.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Sơn T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống của bà Hồ Thị N và ông Sơn T là vợ chồng. Về con chung: Giao cho ông Sơn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thanh T, sinh ngày 21/6/2007 đến tuổi trưởng thành, bà Nươl không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Sơn T đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông Tcó đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng

khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Sơn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Hồ Thị N và ông Sơn T là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà N và ông Ttự nguyện cưới nhau và chung sống cùng nhau từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Hồ Thị N và ông Sơn T là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Hồ Thị N không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thụ lý đơn yêu cầu của bà Hồ Thị N và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị N và ông Sơn T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Hồ Thị N và ông Sơn T có 03 đứa con chung tên Sơn D, sinh ngày 06/01/1998 (đã trưởng thành), Sơn Thị Ngọc Quy, sinh ngày 24/11/1999 (đã trưởng thành) và Sơn Thanh T, sinh ngày 21/6/2007 hiện đang sống chung với ông Sơn T. Khi ly hôn, con chung là Sơn D và Sơn Thị Ngọc Qđã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà nhường quyền nuôi con chung là Sơn Thanh T cho ông Tnuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của em Sơn Thanh T. Xét thấy, từ khi bà Hồ Thị N và ông Sơn T sống ly thân cùng nhau đến nay thì em Sơn Thanh T sống chung cùng ông Tdo ông Ttrực tiếp chăm sóc, tại phiên tòa bà Nươl có nguyện vọng tiếp tục nhường quyền nuôi con cho ông Tnuôi đến tuổi trưởng thành cũng như tại tờ tường trình em Sơn Thanh T cũng có nguyện vọng được sống cùng ông Tùng. Để tránh cuộc sống hiện tại của em Sơn Thanh T bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của em Thủy nên cần tiếp tục giao em Sơn Thanh T cho ông Sơn T được quyền tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành;

[4] Về cấp dưỡng: Ông Sơn T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Hồ Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị N và ông Sơn T.

2. Về con chung: Giao cho ông Sơn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Sơn Thanh T, sinh ngày 21/6/2007 đến tuổi trưởng thành (theo nguyện vọng của em Sơn Thanh T); bà Hồ Thị N được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị N phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000119 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà N đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;*
- *UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Nhiện**